TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 09-7-2025
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phượng

2. Bà Võ Thị Điệp

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký viên

Vào ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2025/TLST-DS ngày 06/3/2025 về việc *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 297/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 276/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1949

Địa chỉ: Số B đường N, quốc lộ C, tổ B, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, nay là Số B đường N, quốc lộ C, tổ B, khóm M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Huỳnh Thanh L**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ C, ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà **Đinh Thị Thanh T1**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ C, ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nay là Tổ C, ấp C, phường M, tỉnh Đồng Tháp

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số B đường N, quốc lộ C, tổ B, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, nay là Số B đường N, quốc lộ C, tổ B, khóm M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thanh T2 là ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1949; Địa chỉ: Số B đường N, quốc lộ C, tổ B, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, nay là Số B đường N, quốc lộ C, tổ B, khóm M, phường M, tỉnh Đồng Tháp là đại diện ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 02/6/2025).

(Ông T có mặt, ông L và bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Huỳnh Thanh L và bà Đinh Thị Thanh T1 có hỏi vay của ông T số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay tiền là về sửa chữa nhà ở. Ông L và bà T1 đến tại nhà ông T nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng, bà T1 viết biên nhận, hai vợ chồng cùng ký tên. Thời gian vay là 04 tháng với lãi suất 0,83%/ tháng. Sau khi nhận tiền xong ông L và bà T1 tiến hành sửa chữa nhà và có đóng lãi được 04 tháng thì ông L và bà T1 bỏ trốn đi P, ngưng đóng lãi cho đến nay. Sau khi đi được một thời gian vợ chồng ông L trở về địa phương sinh sống và có hứa sẽ trả tiền, nhưng cả mấy năm nay ông L và bà T1 vẫn không trả.

Đến ngày nay ông L và bà T1 vẫn còn nợ ông T số tiền 200.000.000 đồng. Mặc dù ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông L và bà T1 trả tiền nhưng đến nay ông L và bà T1 vẫn chưa thực hiện việc trả tiền. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh L và bà Đinh Thị Thanh T1 có trách nhiệm trả số tiền gốc vay còn nợ là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra ông T không trình bày gì thêm.

2. Bị đơn ông Huỳnh Thanh L và bà Đinh Thị Thanh T1

Ông Huỳnh Thanh L và bà Đinh Thị Thanh T1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T2 có ông Nguyễn Tấn T đại diện trình bày ý kiến:

Chị Nguyễn Thị Thanh T2 là con gái của ông Nguyễn Tấn T. Thời điểm ông L và bà T1 vay tiền thì ông T không có đủ tiền mặt để cho ông L và bà T1 vay, nên chị Nguyễn Thị Thanh T2 có đưa ông T số tiền là 10.000.000 đồng. Do đó trong nội dung biên nhận mượn tiền đề ngày 26/7/2022 có nội dung ông L và bà T1 cùng thống nhất mượn số tiền mặt của chú T và con gái chú T là chị T2. Sau đó ông T đã trả cho chị T2 số tiền 10.000.000 đồng, cho nên số tiền 200.000.000 đồng ông L và bà T1 còn nợ là của ông T. Chị Nguyễn Thị Thanh T2 không có nội dung yêu cầu trong vụ án này.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Căn cước công dân của ông Nguyễn Tấn T (bản photo); Biên nhận mượn tiền đề ngày 26/7/2022 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Tấn T khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh L và bà Đinh Thị Thanh T1 có trách nhiệm trả số tiền gốc vay còn nợ là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Ngoài ra, do địa chỉ của bị đơn ở xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 6 Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: ông Huỳnh Thanh L và bà Đinh Thị Thanh T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà T1 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Tấn T yêu cầu ông Huỳnh Thanh L và bà Đinh Thị Thanh T1 có trách nhiệm trả số tiền gốc vay còn nợ là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Vào ngày ngày 26/7/2022, ông Nguyễn Tấn T có cho ông Huỳnh Thanh L và bà Đinh Thị Thanh T1 vay 200.000.000 đồng là có thật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy, khi ký biên nhận thì ông L và bà T1 có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên hợp đồng vay tài sản giữa ông T với ông L và bà T1 có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Đối với số tiền ông L và bà T1 còn nợ ông T là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) ông L và bà T1 có hứa sẽ trả dần, tuy nhiên ông L và bà T1 đã không thực hiện cam kết trả tiền nợ vay cho ông T. ông T đã nhiều lần yêu cầu ông L và bà T1 trả số tiền còn nợ, tuy nhiên ông L và bà T1 đã không thực hiện việc trả nợ. Như vậy, có cơ sở xác định ông L và bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông L theo thỏa thuận. Từ những phân tích trên, đủ sơ sở xác định ông L và bà T1 có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng. Do đó buộc ông L và bà T1 có trách nhiệm trả cho ông T số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho ông L và bà T1, tuy nhiên ông L và bà T1 không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, ông L và bà T1 phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo yêu cầu của ông T.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông L và bà T1 có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền gốc vay là 200.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án thì ông L và bà T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 117, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T.

Buộc ông Huỳnh Thanh L và bà Đinh Thị Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tấn T số tiền gốc vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**** Về án phí dân sự sơ thẩm:***

- Ông Nguyễn Tấn T thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí.

- Ông Huỳnh Thanh L và bà Đinh Thị Thanh T1 phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 9 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 9 – Đồng Tháp;
- Lưu: HSVA (Q).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhã Quyên